

KT3-00165AMT5  
(MT.2025.00232)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

14/01/2025  
Trang 01 / 03

- Tên mẫu : BỘT GIẢM ĐIỆN TRỞ ĐẤT GEM\_TVT (LÔ 112268)  
DỰ ÁN: TBA.110 KV SƠN DƯƠNG THỦY ĐIỆN BẢO LẠC A,  
THỦY ĐIỆN THƯỢNG HÀ, ĐIỆN GIÓ
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
- Dạng mẫu: Bột;  
- Số đơn vị/mẫu: 25 kg;  
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 09/01/2025
- Thời gian thử nghiệm : 09/01/2025 – 14/01/2025
- Nơi gửi mẫu :
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





KT3-00165AMT5  
(MT.2025.00232)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**



01/2025  
02 / 03

| STT  | Tên chỉ tiêu                                                                    | Đơn vị tính | Phương pháp thử                           | Kết quả thử nghiệm | Giới hạn phát hiện |
|------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 7.1  | Độ pH <sup>(1)</sup> (pH chất thải được đo trong nước tại 25 °C) <sup>(3)</sup> | -           | US EPA Method 9045D                       | 12,8               | -                  |
| 7.2  | Hàm lượng cadimi (Cd) <sup>(1)</sup>                                            | mg/L        | US EPA Method 1311 & EPA Method 200.7     | KPH                | 0,01               |
| 7.3  | Hàm lượng chì (Pb) <sup>(1)</sup>                                               | mg/L        | US EPA Method 1311 & EPA Method 200.7     | KPH                | 0,5                |
| 7.4  | Hàm lượng coban (Co) <sup>(1)</sup>                                             | mg/L        | US EPA Method 1311 & EPA Method 200.7     | KPH                | 0,5                |
| 7.5  | Hàm lượng đồng (Cu)                                                             | mg/L        | US EPA Method 1311 và US EPA Method 200.7 | KPH                | 0,5                |
| 7.6  | Hàm lượng kẽm (Zn) <sup>(1)</sup>                                               | mg/L        | US EPA Method 1311 & EPA Method 200.7     | KPH                | 0,5                |
| 7.7  | Hàm lượng niken (Ni) <sup>(1)</sup>                                             | mg/L        | US EPA Method 1311 & EPA Method 200.7     | KPH                | 0,5                |
| 7.8  | Hàm lượng sắt (Fe)                                                              | mg/L        | US EPA Method 1311 và US EPA Method 200.7 | KPH                | 0,5                |
| 7.9  | Điện trở suất khối <sup>(*)</sup> ,                                             | Ω.cm        | IEC 62561-7:2011                          | 0,072              | -                  |
| 7.10 | Hàm lượng natri ôxit (Na <sub>2</sub> O)                                        | % (m/m)     | TCVN 7131:2002                            | 0,55               | -                  |
| 7.11 | Hàm lượng kali ôxit (K <sub>2</sub> O)                                          | % (m/m)     | TCVN 7131:2002                            | 0,78               | -                  |
| 7.12 | Hàm lượng carbon (C)                                                            | % (m/m)     | ASTM D5373-16                             | 39,6               | -                  |

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup>: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078.

US EPA: United States Environmental Protection Agency

<sup>(3)</sup>: mẫu được khuấy trộn trong nước theo tỷ lệ mẫu/nước (20 g/40 mL) theo yêu cầu phương pháp thử US EPA Method 9045D.

KPH: Không phát hiện

<sup>(\*)</sup>: Điều kiện thử nghiệm :

+ Ứng suất chịu nén theo hướng dọc trục: 6,6 MPa

+ Nhiệt độ môi trường: 25,0 (°C) và 50 (% RH)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

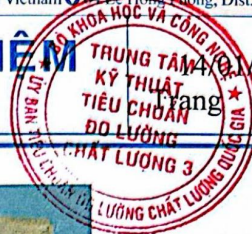
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



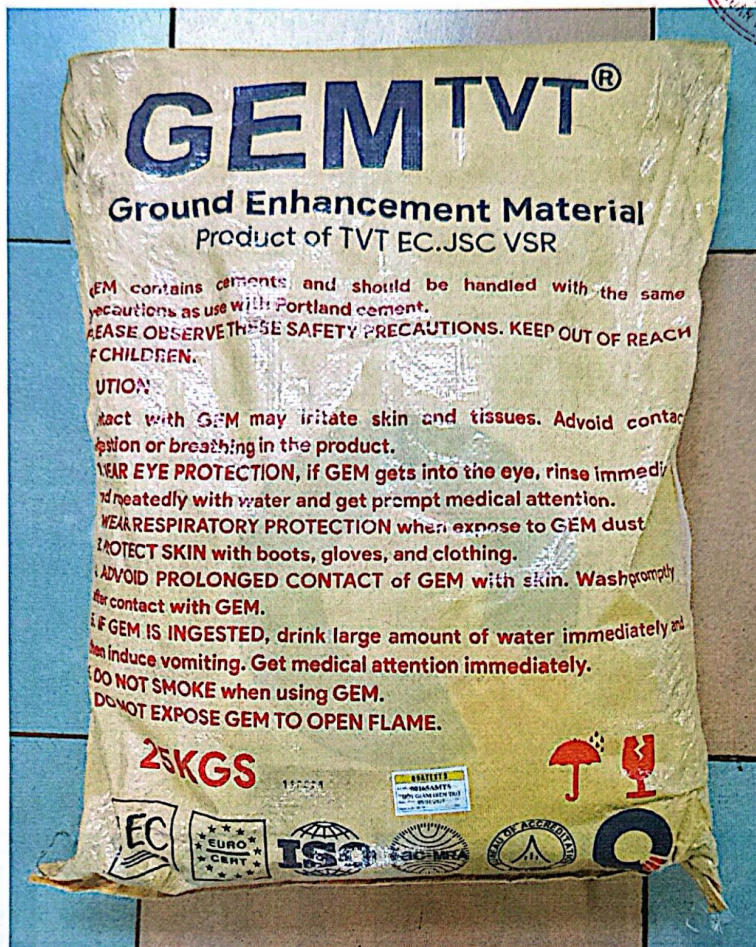


KT3-00165AMT5  
(MT.2025.00232)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**



4/01/2025  
Trang 03 / 03



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

